

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện,
liên xã bị hư hỏng nặng

Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 04 Tiểu dự án tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thuộc dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung” vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 61/TTr-BQL ngày 28/3/2017 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 324/SGTVT-GT ngày 27/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

2. Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Giao thông Bình Định

5. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Phan Thanh Thắng.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6.1 Mục tiêu tổng thể của dự án:

Khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc tái thiết các công trình hạ tầng ưu tiên thiệt hại nặng nề bởi bão lụt năm 2016 và tăng cường khả năng đề ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai. Cụ thể:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (đê, kè sông, đập dâng, kênh tưới tiêu,...) nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

6.2. Mục tiêu cụ thể của dự án thành phần:

- Sửa chữa, khắc phục cải tạo, nâng cấp và xây mới các công trình hạ tầng giao thông bị thiệt hại do thiên tai nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Đảm bảo công tác cứu hộ, cứu nạn được kịp thời, kết nối hệ thống giao thông thông suốt trên các tuyến đường kết hợp với biện pháp phòng chống để giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp mưa lũ xảy ra.

- Nâng cao khả năng liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh tế và hàng hóa, cải thiện môi trường và tăng tính liên kết giữa các địa bàn phát triển năng động trong khu vực cũng như với những địa bàn hành lang ven biển, vùng sâu, vùng xa, các vùng miền núi và các khu vực khó khăn hơn.

7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp 09 tuyến đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Ân, huyện Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Vân Canh, huyện Tây Sơn và huyện Vĩnh Thạnh.

9. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất 10,46 ha.

Trong đó:

- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 9,62 ha;

- Diện tích chiếm đất tạm thời: 0,84ha.

10. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Phương án thiết kế cơ sở:

12.1. Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.629 đi trung tâm xã Ân Sơn, Huyện Hoài Ân:

Điểm đầu tại ngã ba đường Tây tỉnh tại (Km39+500) thuộc địa phận Xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân. Điểm cuối giao với đường phía Tây tỉnh Bình Định tại (Km43+900) thuộc địa phận xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Chiều dài tuyến, m	3 đoạn
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

- Đoạn 1: Điểm đầu tuyến đến Cầu Bà Cương thuộc thôn Vạn Hội, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, $L = 2.828,05m$: Đào bỏ lớp bê tông hiện trạng thay thế bằng lớp bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 20cm, bên dưới là lớp giấy dầu và cấp phối đá dăm loại 1, $D_{max}=25mm$ dày 15cm đầm chặt K98.

- Đoạn 2: Từ cầu Bà Cương đến đường Tây Tỉnh, $L=1.390,00m$: Đối với mặt đường cũ bù vênh và đổ bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 20cm; Đối với những đoạn mở rộng mỗi bên 1m có kết cấu lớp bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 20cm, bên dưới là lớp giấy dầu.

- Đoạn 3: Từ đường liên xã Mộc Bài - Mỹ Thành đến đường Tây Tỉnh, $L=2.654,13m$: Đối với mặt đường cũ bù vênh và đổ bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 20cm; Đối với những đoạn mở rộng mỗi bên 1m có kết cấu lớp bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 20cm, bên dưới là lớp giấy dầu.

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường $: B_{nền} = 6,5m$.

nh
3

- Bề rộng mặt đường : $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$.
- Dốc ngang mặt đường : $i_{\text{mặt}} = 2\%$.
- Bề rộng lề đường : $B_{\text{lề}} = 0,5 \times 2\text{m} = 1,0\text{m}$.
- Dốc ngang lề đường : $i_{\text{lề đường}} = 4\%$.

Thiết kế công trình thoát nước:

Trên tuyến thiết kế các công trình thoát nước như sau:

TT	Tên cầu, cống	Lý trình	Bề rộng	Kết cấu
1	Cầu bản hộp L=6,0m (2 cái)	Km 0+575,76 Km1+35,58	6,50 m	BTCT đổ tại chỗ
2	Cống hộp và cống các loại	Theo địa hình và quy hoạch	Theo bề rộng nền đường	BTCT đúc sẵn, BTCT đổ tại chỗ và BTLT

12.2. Đường phía Tây huyện từ thôn Thịnh Văn 1 đến làng Suối Đá:

Điểm đầu tại Km1+100 trên trục đường Canh Thuận - Canh Liên, thuộc thôn Thịnh Văn 1, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Điểm cuối tại Km23+800,0 tuyến QL19C, thuộc làng Suối Đá, xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Chiều dài tuyến, m	3.320,0
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0,65HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Kết cấu mặt đường BTXM và gia cố như sau:

- + 22 cm BTXM 25Mpa(M300), đá 2x4.
- + Lớp đệm giấy dầu.
- + 15 cm CPĐD loại I ($D_{\text{max}}=25\text{mm}$).

+ 30 cm CPĐ đầm chặt K98.

- Đối với kết cấu lề gia cố mỗi bên 1,25m: Giống kết cấu mặt đường

- Đối với lề đất mỗi bên 0,25m còn lại: Đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95.

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường

$$: B_{\text{nền}} = 6,50\text{m}.$$

- Bề rộng mặt đường

$$: B_{\text{mặt}} = 3,50\text{m}.$$

- Bề rộng lề đường

$$: B_{\text{lề}} = 1,50\text{m} \times 2 = 3,0\text{m}$$

Trong đó: + Bề rộng lề gia cố

$$: B_{\text{lề g/c}} = 1,0 \text{ m} \times 2 = 2,0\text{m}$$

+ Bề rộng lề đất

$$: B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}.$$

Công trình thoát nước: gồm 01 cầu bản $L_0 = 6\text{m}$ tại Km4+509.68-Km4+515.68 và 02 cầu dầm tại Km0+794,71÷Km0+809,71 và Km3+493,84-Km3+516,84.

• **Cầu bản $L_0 = 6\text{m}$ tại Km4+509.68-Km4+515.68**

- Bề rộng mặt cầu : $B_{\text{mặt}} = 5,5 + 2 \times 0,5\text{m} = 6,50\text{m}.$

- Tải trọng thiết kế : 0,65HL93.

- Móng móng, thân móng, giằng chống đổ bê tông 20MPa đá 2x4, móng tường cánh, chân khay đổ BT 12,5MPa, đá 4x6, tường cánh, sân cầu đổ BT 16MPa đá 2x4, mũ móng bằng BTCT 25MPa đá 2x4, bản mặt cầu đổ bê tông 30MPa đá 1x2, gờ chắn bánh đổ BT 25MPa, đá 1x2, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

- Lớp phủ mặt cầu bằng BT 25MPa, đá 0,5x1, chân khay gia cố mái bằng BT 12MPa, đá 4x6.

- Gia cố mái đường đầu cầu bằng BT 16MPa, đá 2x4, dày 15cm trên lớp đệm VXM 50, dày 5cm.

• **Cầu dầm tại Km0+794.71÷Km0+809,71 và Km3+493,84 ÷ Km3+516,84**

- Thiết kế cầu dầm $L_n = 15,0\text{m}$ theo tiêu chuẩn thiết kế cầu TCN 272- 05

- Tải trọng thiết kế: 0,65HL93, tần suất thiết kế : $P = 4\%$

- Khổ cầu: $B = 5,5\text{m} = 2 \times 0,5\text{m} = 6,5\text{m}$

- Chiều dài nhịp: $L_n = 15\text{m}$, gồm 1 nhịp

- Kết cấu bằng BTCT thường lắp ghép

- Chiều dài nhịp: $L_c = 27,54\text{m}$ (tính từ đuôi tường cánh)

- Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm

12.3. Sửa chữa, nâng cấp đường Kim Sơn – Bok Tới:

Điểm đầu tại lý trình Km1+00, cách ngã 3 Kim Sơn (tại lý trình Km23 tuyến ĐT.630) về hướng Tây 1km, thuộc địa phận xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, điểm cuối tại mô cầu Suối Tem, thuộc xã Bok Tới, huyện Hoài Ân.

Các thông số cơ bản:

5

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Chiều dài tuyến, m	5.659,0
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

- Bề rộng nền đường : $B_{nền} = 6,50m$.
- Bề rộng mặt đường : $B_{mặt} = 3,50m$.
- Bề rộng lề đường : $B_{lề} = 1,50m \times 2 = 3,0m$

Trong đó:

+ Bề rộng lề gia cố bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm: $B_{lề\ g/c} = 1,0\ m \times 2 = 2,0m$

- + Bề rộng lề đất : $B_{lề\ đất} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.
- Dốc ngang mặt đường : $I_m = 2\%$
- Dốc ngang lề gia cố : $I_{lề\ g/c} = 2\%$
- Dốc ngang lề đất : $I_{lề\ đất} = 4\%$

Thiết kế công trình thoát nước:

Trên tuyến thiết kế các công trình thoát nước như sau:

TT	Tên công trình	Lý trình	Bề rộng	Kết cấu
1	Cầu bản mố nhẹ	Km1+703.87	6,50m	Cầu bản $L_0 = 3m$
2	Cầu bản mố nhẹ	Km4+636.28	6,50 m	Cầu bản $L_0 = 3m$
3	Cầu bản mố nhẹ	Km4+997.33	6,50 m	Cầu bản $L_0 = 6m$

Ue

4	Cống tròn từ Ø40 đến Ø 200	Theo địa hình và Quy hoạch	Theo bề rộng nền đường	BTCT đúc sẵn, BTCT đổ tại chỗ và BTLT
---	----------------------------	----------------------------	------------------------	---------------------------------------

- Thiết kế gia cố rãnh dọc $L = 2.183\text{m}$. Kết cấu rãnh dọc bằng bê tông.

12.4. Nâng cấp ĐH42, thị trấn Tuy Phước, xã Phước Quang, Xã Phước Hiệp, Huyện Tuy Phước:

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Tải trọng trục, T	10
3	Tốc độ tính toán V_{tb} , km/h	30
4	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
5	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
6	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
7	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0,65HL93
8	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Xây dựng mới cầu dầm BTCT $L=7 \times 18\text{m}$ tại $\text{Km}2+250 \div \text{Km}2+735$ thay thế cầu Sông Tranh cũ và 2 đoạn vượt vào đầu cầu để đảm bảo khả năng thoát lũ.

Phần cầu

Cầu dầm BTCT, $L=7 \times 18\text{m}$, tải trọng thiết kế 0,65HL93, tần suất tính toán $p=1\%$, theo tiêu chuẩn thiết kế 22TCN272-05.

- Khổ cầu $B_c = 5,5 + 2 \times 0,5 = 6,5\text{m}$.
- Mặt cắt ngang cầu gồm 3 dầm chủ, khoảng cách giữa các dầm $a = 220\text{cm}$.
- Dầm chủ, dầm ngang bằng BTCT 30Mpa đá 1x2.
- Mũ mố, tường đỉnh, tường cánh bằng BTCT 25Mpa đá 2x4.
- Bản vượt đầu cầu BTCT 20MPa, đá 2x4 dày 30cm, phía dưới đệm đá 4x6.
- Móng trụ gồm 10 cọc BTCT 25Mpa đá 1x2, kích thước cọc (40x40)cm. đóng thẳng thành 2 hàng, chiều dài cọc $L=22\text{m}$ (chiều dài cọc sẽ được quyết định chính thức sau khi có kết quả đóng cọc thử).
- Bộ móng trụ bằng BTCT 20Mpa đá 2x4
- Thân trụ, mũ trụ, gờ chống trôi bằng BTCT 25Mpa đá 2x4.

Vle
7

- Gia cố tứ nón và trước móng bằng BTXM 16Mpa, đá 2x4, dày 20cm phía trên lớp đệm VXM50, dày 5cm. Chân khay gia cố bằng bê tông 12MPa đá 4x6, trên lớp đệm đá dăm 4x6 dày 20cm. Bố trí ống thoát nước mái taluy bằng nhựa PVC Ø42, l=1m, khoảng cách 2m/ống

Phần đường vuốt đầu cầu

- Bề rộng nền đường $B_n = 6,5\text{m}$ đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95, lớp sát kết cấu áo đường đầm chặt K98 dày 30cm. Mái taluy đắp $m = 1,5$.

- Bề rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$ bằng BTXM đá 2x4 25Mpa(M300) dày 22cm, trên lớp đệm giấy dầu.

- Bề rộng gia cố lề: $B_{lề} = 1,0\text{m} \times 2 = 2,0\text{m}$. Kết cấu gia cố lề giống kết cấu mặt đường

- Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy đường đầu cầu bằng BTXM 16Mpa, đá 2x4, dày 15cm phía trên lớp giấy dầu. Chân khay gia cố kích thước (40x80)cm, bằng bê tông 12MPa đá 4x6, trên lớp đệm đá dăm 4x6 dày 20cm. Bố trí ống thoát nước mái taluy bằng nhựa PVC Ø42, L = 0,5m, khoảng cách 2m/ống.

- Gia cố mái taluy dọc bờ sông bằng đá hộc lát khan, hoàn trả theo hiện trạng.

12.5. Đường từ đập đầu mối hồ Định Bình đến UBND xã Vĩnh Sơn:

Điểm đầu tại Km22+00 (hồ Định Bình), điểm cuối tại UBND xã Vĩnh Sơn (Km60+00).

- Bề rộng phần xe chạy: $B = 5,0 - 5,5\text{m}$. Kết cấu mặt đường bằng BTXM.

- Gia cố phần lề đường với kết cấu bằng đá xây.

- Các đoạn sạt lở mái taluy thì làm kè chắn bằng rọ đá được lán VXM phía trên để đảm bảo không cho nước thấm xuống nền đường.

- Tại vị trí từ Km43+90 – Km40+130 được thiết kế là cống 2Φ150 và xây dựng lại đường hai bên cống.

- Tại vị trí từ Km46+320 được thiết kế gia cố mái taluy xói lở bằng đá xây.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường GTNT cấp A theo tiêu chuẩn: TCVN 10380-2014
2	Chiều dài đoạn tuyến cần nâng cấp, sửa chữa, m	550,0
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{smax} , %	6

Th
8

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}$, m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0,65HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường: $B = 6,0\text{m}$.
- Bề rộng phần xe chạy: $B = 3,5 - 5,5\text{m}$. Kết cấu mặt đường bằng BTXM.
- Gia cố phần lề đường với kết cấu bằng đá xây.
- Các đoạn sạt lở mái taluy thì làm kè chắn bằng rọ đá được lán VXM phía trên để không cho nước thấm xuống nền đường.
- Tại vị trí: Từ Km 43+90 – Km 40+130 được thiết kế là cống 2Φ150 và xây dựng lại đường hai bên cống.
- Tại vị trí: Km 46+320 được thiết kế gia cố mái taluy xói lở bằng đá xây.

12.6. Đường thôn 1-3 xã An Nghĩa:

Điểm đầu tại Km00+00 thuộc tuyến đường BTXM nội bộ Thôn 1 xã An Nghĩa, điểm cuối tại lý trình Km3 + 364.86 thuộc đường nội bộ Thôn 3 xã An Nghĩa.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	<i>Đường GTNT cấp B theo tiêu chuẩn: TCVN 10380-2014</i>
2	Chiều dài đoạn tuyến cần nâng cấp, sửa chữa, m	3.364,86
3	Tải trọng trục, T	9,5
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	15
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	5
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}$, m	15
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	15
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0.65HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30-XB80

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường : $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường gồm 1 làn cơ giới : $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$.
- Bề rộng lề đường : $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$

Thiết kế công trình thoát nước:

Trên tuyến thiết kế các công trình thoát nước như sau:

- Xây dựng mới 3 cống thoát nước ngang. Cụ thể:

+ Cống D150 (cm): 1 vị trí

+ Cống D100 (cm): 2 vị trí

- Rãnh dọc, rãnh đỉnh. Cụ thể:

+ Chiều dài rãnh đỉnh: $L = 191\text{m}$

+ Chiều dài rãnh dọc: $L = 1457\text{m}$

+ Hố tiêu năng, hố thu nước: $N = 21$ vị trí

+ Dốc nước: $N = 1$ vị trí

Thiết kế công trình tường chắn đất:

- Chiều dài xây dựng tường chắn: $L = 177\text{m}$

12.7. Đường từ trung tâm xã Bình Tân đi làng M6, xã Bình Tân:

- Điểm đầu: tiếp giáp với đường bê tông liên xã.

- Điểm cuối: giáp với làng M6 thuộc xã Bình Tân, huyện Tây Sơn.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Chiều dài tuyến, m	5.189,49
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường : $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$.

- Bề rộng mặt đường gồm 1 làn cơ giới : $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$.
- Bề rộng lề đường : $B_l = 2 \times 1,5 = 3,0\text{m}$

Trong đó:

- + Bề rộng lề gia cố : $B_{\text{lgc}} = 2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$.
- + Bề rộng lề đất : $B_{\text{ld}} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$.

Thiết kế công trình thoát nước:

Trên tuyến thiết kế các công trình thoát nước như sau:

- Tận dụng các công trình thoát nước hiện có trên tuyến còn tốt, đảm bảo khẩu độ thoát nước.
- Xây dựng mới 2 cống thoát nước ngang đã bị hư hỏng. Cụ thể:
 - + Cống D150 (cm): 1 vị trí
 - + Cống D80 (cm): 1 vị trí
- Bổ sung 1 cống thoát nước ngang D60 (cm).
- Xây dựng mới rãnh dọc, tiết diện hình chữ nhật ($b \times h = 40 \times 40\text{cm}$), chiều dài $L = 662,60\text{m}$.

12.8. Đường O5 – Kon Trú, xã Vĩnh Kim:

- Điểm đầu tại Cầu treo O5.
- Điểm cuối tại làng Kon Trú.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn: TCVN 10380-2014
2	Chiều dài tuyến, m	115,0
3	Tải trọng trục, T	9,5
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	15
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	5
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	15
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	5
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0,5HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường: $B = 4,0\text{m}$.
- Bề rộng phần xe chạy: $B = 3,0\text{m}$. Kết cấu mặt đường bằng BTXM.
- Gia cố phần lề đường và mái taluy với kết cấu bằng đá xây.

- Sửa chữa mố bị hư hỏng, xây dựng mở rộng thêm 01 nhịp và 01 mố cầu mới.

12.9. Đường Bồng Sơn – Hoài Hải:

- Điểm đầu Bồng Sơn.

- Điểm cuối Hoài Hải.

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp VI đồng bằng theo tiêu chuẩn: TCVN 4054-2005
2	Chiều dài đoạn tuyến cần nâng cấp, sửa chữa, m	2689,76
3	Tải trọng trục, T	10
4	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	30
5	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	6
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	30
7	Độ dốc dọc lớn nhất, %	9
8	Cầu được thiết kế với hoạt tải	0,65HL93
9	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80

Quy mô mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường : $B_{nền} = 6,50m$.
- Bề rộng mặt đường : $B_{mặt} = 3,50m$.
- Bề rộng lề đường : $B_{lề} = 1,50m \times 2 = 3,0m$
- Trong đó: + Bề rộng lề gia cố : $B_{lề\ g/c} = 1,0\ m \times 2 = 2,0m$
- + Bề rộng lề đất : $B_{lề\ đất} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.
- Dốc ngang mặt đường : $I_m = 2\%$
- Dốc ngang lề gia cố : $I_{lề\ g/c} = 2\%$
- Dốc ngang lề đất : $I_{lề\ đất} = 4\%$

* Kết cấu chi tiết: Mở rộng lề bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm; sau đó thảm toàn mặt bằng BTN C12,5 dày 5cm.

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu của nhân dân các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn và Vĩnh Thạnh.

- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.

- Phương thức thực hiện: UBND các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, Tuy

 12

Phước, Vân Canh, Tây Sơn và Vĩnh Thạnh. thành lập Hội đồng bồi thường để giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công xây dựng công trình của từng địa phương.

14. Tổng mức đầu tư: 122.908.490.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm linh tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong đó:

TT	Khoảng mục chi phí	Tổng kinh phí (đồng)	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay IDA (đồng)	Đối ứng (đồng)
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	95.078.989.000	95.078.989.000	-
2	Chi phí quản lý dự án	1.604.241.000	-	1.604.241.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư	6.919.886.000	1.795.091.000	5.124.795.000
4	Chi phí khác	6.289.631.000	5.153.281.000	1.136.350.000
5	Chi phí bồi thường, GPMB	1.842.244.000	-	1.842.244.000
6	Chi phí dự phòng	11.173.499.000	10.202.736.000	970.763.000
	Tổng cộng	122.908.490.000	112.230.097.000	10.678.393.000

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: 04 năm (2017 – 2020).

18. Phương thức thực hiện dự án: Theo quy định của Ngân hàng Thế giới, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn và Vĩnh Thạnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K19 (14b) *Me*



Trần Châu